

Bản án số: 21/2021/HNGĐ - ST

Ngày 06/5/2021

“V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHIÊM HOÁ, TỈNH TUYÊN QUANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lâm Hạnh Quỳnh

Các hội thẩm nhân dân: 1. Bà Ma Khánh Ly
2. Bà Triệu Thị Yên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Dương Văn Tiến - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Chiêm Hoá tham gia phiên tòa: Bà Chu Thị Hoa - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 5 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 22/2021/TLST - HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2021 về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2021/QĐST - HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2021/QĐST - HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Lương Giang N (Lương Văn N), sinh năm 1976; Địa chỉ: Tổ DPVH, TTVL, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang, (*vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt*).

- *Bị đơn:* Chị Nông Thị Y (Nông Thị Bảo Y), sinh năm 1976; Địa chỉ: Tổ DPVH, TTVL, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang, (*vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 05/02/2021, nội dung bản tự khai, biên bản ghi lời khai, nguyên đơn anh Lương Giang N trình bày:

- Về hôn nhân: Anh Lương Giang N và chị Nông Thị Y qua thời gian tìm hiểu tự nguyện đã đăng ký kết hôn tại UBND TTVL, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang tại giấy chứng nhận kết hôn số 22 ngày 18/11/1995, thời gian đầu chung sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do không cùng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi chửi nhau, vợ chồng không tin tưởng lẫn nhau, nghi ngờ ghen tuông nên anh N

và chị Y đã sống ly thân từ năm 2013 cho đến nay. Anh N xác định tình cảm không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, yêu cầu được ly hôn với chị Nông Thị Y.

- Về con chung: Anh Lương Giang N và chị Nông Thị Y có 03 con là Lương Thị Hương L, sinh ngày 15/6/1996; Lương Thị Hải Anh, sinh ngày 12/12/1997 và Lương Xuân Trường, sinh ngày 26/3/2006, hiện nay các cháu Lương Thị Hương L và Lương Thị Hải A đã đủ 18 tuổi có khả năng lao động bình thường nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; cháu Lương Xuân T đang chung sống cùng anh N, nay ly hôn anh N có nguyện vọng được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu T và không yêu cầu chị Y phải cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi Tòa án thụ lý vụ án, mở phiên họp việc kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ, phiên họp hòa giải lần 01 và lần 02 cho đến tại phiên tòa, bị đơn chị Nông Thị Y đều vắng mặt không có lý do và không có quan điểm, ý kiến gửi đến Tòa án (mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng). Tại phiên tòa, nguyên đơn anh Lương Giang N vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt, anh N giữ nguyên ý kiến, quan điểm như đã trình bày trong quá trình giải quyết tại Tòa án và không thay đổi, bổ sung gì.

Tòa án đã tiến hành xác minh đối với bà Phạm Thị P (mẹ đẻ của chị Y) và Trưởng Công an TTVL, xác định chị Nông Thị Y có hộ khẩu thường trú tại Tổ DPVH, TTVL, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang, tuy nhiên thực tế hiện nay chị Y đã đi làm ăn xa, không có mặt tại gia đình và địa phương, chị Y làm công việc gì, tạm trú ở đâu và khi nào trở về gia đình, địa phương thì không rõ (lần gần nhất chị Y có mặt tại gia đình là vào năm 2020). Bà P có nhận được văn bản của Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa và cam kết thông báo cho chị Nông Thị Y biết về việc anh Lương Giang N có đơn xin ly hôn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chiêm Hoá phát biểu quan điểm tại phiên tòa: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với đương sự: Nguyên đơn thực hiện đúng quy định, bị đơn không thực hiện về quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự; Về nội dung vụ án: Đề nghị căn cứ các Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; Điều 143, 144, 147 các Điều 227, 228, 238, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Về hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của anh Lương Giang N, cho anh Lương Giang N được ly hôn chị Nông Thị Y; về con chung: Cháu Lương Thị Hương L và Lương Thị Hải A đã đủ 18 tuổi có khả năng lao động bình thường nên không đề nghị xem xét giải quyết; giao cháu Lương Xuân T, sinh ngày 26/3/2006 cho anh N được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Nông Thị Y không phải cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn và có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau ly hôn mà không ai

được cản trở. Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không đề cập xem xét. Về án phí: Anh N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định; chị Y không phải chịu án phí. Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật. Về khắc phục kiến nghị vi phạm trong tố tụng: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Lương Giang N khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa giải quyết việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn đối với chị Nông Thị Y; chị Nông Thị Y có hộ khẩu thường trú tại tổ DPVH, TTVL, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang. Căn cứ theo khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là tranh chấp Hôn nhân và gia đình về việc *“Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”* và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa.

Theo cung cấp của Công an TTVL, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang thì chị Nông Thị Y có hộ khẩu thường trú tại tổ DPVH, TTVL, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang. Chị Y đi làm ăn xa nhưng không thông báo địa chỉ mới nên hiện tại không rõ chị Y đang ở đâu, làm gì. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập họp lệ đối với chị Y đến Tòa án để làm việc nhưng chị Y vắng mặt không có lý do, chị Y đã được thông báo nhưng vẫn không về, đây được xem là trường hợp người bị kiện cố tình che giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ nên Tòa án vẫn giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa, nguyên đơn anh Lương Giang N vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn chị Nông Thị Y vắng mặt không có lý do (đã được Tòa án triệu tập, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng), Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 227, 228, 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa anh Lương Giang N và chị Nông Thị Y là hợp pháp, có đăng ký kết hôn tại UBND TTVL, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang. Sau khi kết hôn anh N và chị Y chung sống tại tổ DPVH, TTVL, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang, trong quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do không cùng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi chửi nhau, vợ chồng không tin tưởng lẫn nhau, nghi ngờ ghen tuông nên anh N và chị Y đã sống ly thân từ năm 2013 cho đến nay, anh N xác định tình cảm vợ chồng thực sự đã hết và mâu thuẫn đã trầm trọng, yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn đối với chị Nông Thị Y.

Qua điều tra xác minh xác định thực tế mâu thuẫn vợ chồng giữa anh N và chị Y đã rất trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được; thể hiện tại các Biên bản xác minh ngày 31/3/2021 (BL 41,

42) thấy rằng anh N và chị Y đã sống ly thân từ năm 2013 cho đến nay và kể từ khi ly thân, giữa anh chị không còn quan tâm, yêu thương, chăm sóc nhau nữa, do vậy giữa anh chị không thể tồn tại một gia đình hạnh phúc, tiến bộ. Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 51, 53, 56, 57 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Lương Giang N, cho anh N được ly hôn chị Nông Thị Y.

[2.2] Về con chung: Quá trình sống chung giữa anh N và chị Y có 03 con là Lương Thị Hương L, sinh ngày 15/6/1996; Lương Thị Hải A, sinh ngày 12/12/1997 và Lương Xuân T, sinh ngày 26/3/2006, hiện nay các cháu Lương Thị Hương L và Lương Thị Hải A đã đủ 18 tuổi có khả năng lao động bình thường nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết; cháu Lương Xuân T đang chung sống cùng anh N, anh N có nguyện vọng được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu T và không yêu cầu chị Y phải cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn. Chị Y không có mặt tại gia đình và địa phương, đồng thời cũng không có văn bản gửi đến Tòa án thể hiện quan điểm ý kiến về quyền nuôi dưỡng con, do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, xử giao cháu Lương Xuân T cho anh Lương Giang N được quyền trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Y không phải cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn và có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau ly hôn mà không ai được cản trở.

[2.3] Về tài sản chung: Không có; Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về nợ chung: Không có; Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Căn cứ các Điều 143, 144, 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; anh Lương Giang N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định; chị Nông Thị Y không phải chịu án phí.

[4] Về quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự, các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 143, 144, 147; các Điều 227, 228, 238, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về Hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của anh Lương Giang N (Lương Văn N), cho anh Lương Giang N được ly hôn chị Nông Thị Y (Nông Thị Bảo Y).

2. Về con chung: Giao cháu Lương Xuân T, sinh ngày 26/3/2006 cho anh Lương Giang N được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo

dục. Chị Nông Thị Y không phải cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn và có quyền và nghĩa vụ đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau ly hôn mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Anh Lương Giang N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 300.000^d (*ba trăm nghìn đồng*). Anh N đã nộp 300.000^d (*ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chiêm Hóa theo biên lai số 0004775 ngày 26/02/2021 nay được chuyển thành án phí dân sự sơ thẩm ly hôn (anh N đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn).

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND Tỉnh, huyện
- Chi cục THA Dân sự;
- Những người tham gia tố tụng;
- UBND TTVL (nơi ĐKKH);
- UBND xã TH;
- Lưu HS, VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lâm Hạnh Quỳnh